

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

10
C
H
D
V
IG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trang Hoàng Mỹ	Ủy viên
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2014)
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc
------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Quốc Dũng
Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2015

Số: 502 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 01 năm 2015, từ trang 3 đến trang 19 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 01 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		39.760.955.368	30.309.044.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.586.592.863	4.711.176.483
1. Tiền	111		11.518.083.785	4.711.176.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.068.509.078	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.786.771.556	16.321.339.160
1. Phải thu khách hàng	131		12.620.871.556	16.321.339.160
2. Trả trước cho người bán	132		165.900.000	-
III. Hàng tồn kho	140	6	7.641.184.381	8.978.352.057
1. Hàng tồn kho	141		7.641.184.381	8.978.352.057
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.746.406.568	298.176.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		411.941.572	298.176.899
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		365.858.401	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		180.379.995	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		788.226.600	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		54.853.918.385	60.169.346.255
I. Tài sản cố định	220		54.664.923.900	59.666.744.488
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	54.664.923.900	59.666.744.488
- Nguyên giá	222		72.331.843.009	71.523.325.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.666.919.109)	(11.856.580.652)
II. Tài sản dài hạn khác	260		188.994.485	502.601.767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		185.994.485	499.601.767
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		94.614.873.753	90.478.390.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014


MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		47.911.841.076	53.342.862.139
I. Nợ ngắn hạn	310		17.180.018.836	15.309.039.899
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		5.302.000.000	4.152.000.000
2. Phải trả người bán	312		8.860.059.343	7.872.465.450
3. Người mua trả tiền trước	313		-	21.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8	16.189.184	71.179.462
5. Phải trả người lao động	315		2.406.936.229	2.604.381.758
6. Chi phí phải trả	316	9	261.161.227	359.567.223
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		125.875.825	228.446.006
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		207.797.028	-
II. Nợ dài hạn	330		30.731.822.240	38.033.822.240
1. Vay và nợ dài hạn	334	10	30.731.822.240	38.033.822.240
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		46.703.032.677	37.135.528.715
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	46.703.032.677	37.135.528.715
1. Vốn điều lệ	411		32.650.000.000	32.650.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		448.552.871	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		448.552.871	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.155.926.935	4.485.528.715
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		94.614.873.753	90.478.390.854


 Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2015


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng	01	12	160.455.515.450	143.142.786.278
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12	3.542.125.650	182.108.255
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		156.913.389.800	142.960.678.023
4. Giá vốn hàng bán	11	13	133.417.656.711	121.727.223.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		23.495.733.089	21.233.454.024
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		277.499.494	71.497.313
7. Chi phí tài chính	22		4.332.774.960	5.627.074.626
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.328.916.560	5.627.024.751
8. Chi phí bán hàng	24		1.926.327.404	1.019.897.816
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.223.929.905	4.931.005.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11.290.200.314	9.726.973.246
11. Thu nhập khác	31		94.181.818	96.441.000
12. Chi phí khác	32		6.234.057	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		87.947.761	96.441.000
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.378.148.075	9.823.414.246
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	1.137.814.807	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.240.333.268	9.823.414.246
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	3.136	3.009


Nguyễn Đình Lịch
Người lập biểu


Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng


Lê Quốc Dũng
Giám đốc



Ngày 29 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.378.148.075		9.823.414.246	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	5.810.338.457		5.521.752.655	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(277.499.494)		(71.497.313)	
Chi phí lãi vay	06	4.328.916.560		5.627.024.751	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.239.903.598		20.900.694.339	
Biến động các khoản phải thu	09	2.200.102.608		(8.892.219.000)	
Biến động hàng tồn kho	10	1.337.167.676		(4.234.108.169)	
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	722.557.704		4.884.067.405	
Biến động chi phí trả trước	12	199.842.609		309.187.077	
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.373.895.071)		(5.631.117.483)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.318.194.802)		-	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(465.032.278)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.542.452.044		7.336.504.169	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(792.535.158)		(8.863.182.814)	
2. Thu lãi tiền gửi	27	277.499.494		71.497.313	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(515.035.664)		(8.791.685.501)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-		7.249.553.782	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.152.000.000)		(3.028.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.152.000.000)		4.221.553.782	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	12.875.416.380		2.766.372.450	
Tiền đầu năm	60	4.711.176.483		1.944.804.033	
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	17.586.592.863		4.711.176.483	


 Nguyễn Đình Lịch
 Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2015


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng




 Lê Quốc Dũng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 141 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất bao bì; Kinh doanh chỉ may bao bì PP/PE, cotton; Bán buôn chất dẻo nguyên sinh và bán buôn phân bón; Kinh doanh và in ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ cho ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (các khoản tương đương tiền) tại các tổ chức tín dụng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	44.373.742	66.660.990
Tiền gửi ngân hàng	11.473.710.043	4.644.515.493
Các khoản tương đương tiền	6.068.509.078	-
	<u>17.586.592.863</u>	<u>4.711.176.483</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu
 Tỉnh Bạc Liêu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.589.982.413	4.272.596.087
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	390.676.496	1.119.085.282
Thành phẩm	<u>3.660.525.472</u>	<u>3.586.670.688</u>
Cộng	<u>7.641.184.381</u>	<u>8.978.352.057</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>7.641.184.381</u>	<u>8.978.352.057</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	35.477.722.828	33.199.950.814	2.773.187.862	72.463.636	71.523.325.140
Tăng trong năm	453.517.869	355.000.000	-	-	808.517.869
Tại ngày 31/12/2014	<u>35.931.240.697</u>	<u>33.554.950.814</u>	<u>2.773.187.862</u>	<u>72.463.636</u>	<u>72.331.843.009</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	4.365.588.063	6.622.800.991	829.531.999	38.659.599	11.856.580.652
Khấu hao trong năm	2.019.355.052	3.430.347.033	346.648.488	13.987.884	5.810.338.457
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.384.943.115</u>	<u>10.053.148.024</u>	<u>1.176.180.487</u>	<u>52.647.483</u>	<u>17.666.919.109</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>29.546.297.582</u>	<u>23.501.802.790</u>	<u>1.597.007.375</u>	<u>19.816.153</u>	<u>54.664.923.900</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>31.112.134.765</u>	<u>26.577.149.823</u>	<u>1.943.655.863</u>	<u>33.804.037</u>	<u>59.666.744.488</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 52.185.297.672 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 57.479.182.848 VND).

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	64.691.343
Thuế thu nhập cá nhân	16.189.184	6.488.119
	<u>16.189.184</u>	<u>71.179.462</u>

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	61.657.873	106.636.384
Chi phí phải trả khác	199.503.354	252.930.839
	<u>261.161.227</u>	<u>359.567.223</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu	36.033.822.240	42.185.822.240
Hợp đồng số 11160128/HĐTD ký ngày 28/01/2011 (i)	34.091.053.491	39.471.053.491
Hợp đồng số 57.140613/HĐTD ký ngày 20/06/2013 (ii)	1.942.768.749	2.714.768.749
	<u>36.033.822.240</u>	<u>42.185.822.240</u>

(i) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.302.000.000	4.152.000.000
Trong năm thứ hai	8.352.000.000	7.302.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	22.379.822.240	25.056.000.000
Sau năm năm	-	5.675.822.240
	<u>36.033.822.240</u>	<u>42.185.822.240</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	5.302.000.000	4.152.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>30.731.822.240</u>	<u>38.033.822.240</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAMLô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu
Tỉnh Bạc Liêu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	32.650.000.000	(5.337.885.531)	-	-	27.312.114.469
Lợi nhuận trong năm	-	9.823.414.246	-	-	9.823.414.246
Số dư tại ngày 01/01/2014	32.650.000.000	4.485.528.715	-	-	37.135.528.715
Lợi nhuận trong năm	-	10.240.333.268	-	-	10.240.333.268
Trích quỹ trong năm	-	(1.569.935.048)	448.552.871	448.552.871	(672.829.306)
Số dư tại ngày 31/12/2014	32.650.000.000	13.155.926.935	448.552.871	448.552.871	46.703.032.677

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.265.000	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	3.265.000	3.265.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.265.000	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	3.265.000	3.265.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi ngày 01 tháng 8 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 32.650.000.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Danh sách các cổ đông có tỷ lệ vốn góp chiếm trên 5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	20.400.000.000	62,48	16.661.000.000	51,03	25.150.000.000	77,03
Công ty TNHH Trang Hoàng Mỹ	7.500.000.000	22,97	-	-	2.500.000.000	7,66
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.750.000.000	14,55	-	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	-	-	2.400.000.000	7,35	2.500.000.000	7,66
Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt	-	-	-	-	2.500.000.000	7,66
Cổ đông khác	-	-	13.589.000.000	41,62	-	-
	32.650.000.000	100	32.650.000.000	100	32.650.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAMLô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu
Tỉnh Bạc Liêu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. DOANH THU BÁN HÀNG**

	2014	2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.455.515.450	143.142.786.278
Trong đó:		
- Doanh thu bán bao bì	160.455.515.450	143.142.786.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.542.125.650	182.108.255
- Giảm giá hàng bán	3.542.125.650	182.108.255
	156.913.389.800	142.960.678.023

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn của bao bì đã bán	133.417.656.711	121.727.223.999
	133.417.656.711	121.727.223.999

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.616.363.361	102.422.148.308
Chi phí nhân công	13.357.367.902	12.165.407.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.810.338.457	5.521.752.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.142.852.826	6.969.910.843
Chi phí khác	640.991.474	598.908.448
	141.567.914.020	127.678.127.464

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.378.148.075	9.823.414.246
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.378.148.075	9.823.414.246
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	2.503.192.577	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do áp dụng thuế suất ưu đãi 20%	(227.562.962)	-
Thuế phải nộp được miễn giảm 50%	(1.137.814.808)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (i)	1.137.814.807	-

- (i) Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu
 Tỉnh Bạc Liêu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.240.333.268	9.823.414.246
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.265.000	3.265.000
	<u>3.136</u>	<u>3.009</u>

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	36.033.822.240	42.185.822.240
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	17.586.592.863	4.711.176.483
Nợ thuần	18.447.229.377	37.474.645.757
Vốn chủ sở hữu	46.703.032.677	37.135.528.715
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,39</u>	<u>1,01</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.586.592.863	4.711.176.483
Phải thu khách hàng	12.620.871.556	16.321.339.160
Ký quỹ ngắn hạn	788.226.600	-
Ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	30.998.691.019	21.035.515.643
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	8.860.059.343	7.872.465.450
Chi phí phải trả	261.161.227	359.567.223
Các khoản vay	36.033.822.240	42.185.822.240
Tổng cộng	45.155.042.810	50.417.854.913

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ (giảm)/tăng 720.676.445 VND (2013: 843.716.445 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+ 200	(720.676.445)
VND	- 200	720.676.445
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+ 200	(843.716.445)
VND	- 200	843.716.445

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 17.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAMLô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu
Tỉnh Bạc Liêu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.586.592.863	-	-	17.586.592.863
Phải thu khách hàng	12.620.871.556	-	-	12.620.871.556
Ký quỹ ngắn hạn	788.226.600	-	-	788.226.600
Ký quỹ dài hạn	-	3.000.000	-	3.000.000
Tổng cộng	30.995.691.019	3.000.000	-	30.998.691.019
31/12/2014				
Phải trả người bán	8.860.059.343	-	-	8.860.059.343
Chi phí phải trả	261.161.227	-	-	261.161.227
Các khoản vay	5.302.000.000	30.731.822.240	-	36.033.822.240
Tổng cộng	14.423.220.570	30.731.822.240	-	45.155.042.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.572.470.449	(30.728.822.240)	-	(14.156.351.791)
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.711.176.483	-	-	4.711.176.483
Phải thu khách hàng	16.321.339.160	-	-	16.321.339.160
Ký quỹ dài hạn	-	3.000.000	-	3.000.000
Tổng cộng	21.032.515.643	3.000.000	-	21.035.515.643
31/12/2013				
Phải trả người bán	7.872.465.450	-	-	7.872.465.450
Chi phí phải trả	359.567.223	-	-	359.567.223
Các khoản vay	4.152.000.000	32.358.000.000	5.675.822.240	42.185.822.240
Tổng cộng	12.384.032.673	32.358.000.000	5.675.822.240	50.417.854.913
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.648.482.970	(32.355.000.000)	(5.675.822.240)	(29.382.339.270)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trong năm hoặc có số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	153.880.516.950	139.681.580.505
Mua nguyên vật liệu		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	55.144.248.727	54.082.159.545
Thu nhập của Ban Giám đốc	632.950.592	480.916.667
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	202.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	11.537.724.304	16.162.339.160
Các khoản phải trả		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	5.845.207.500	5.635.476.000

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN


Theo Quyết định số 28/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PBP.

Theo Thông báo số 54/TB-SGDHN ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 27 tháng 01 năm 2015.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.


Nguyễn Đình Lịch
Người lập biểu


Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng



Lê Quốc Dũng
Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2015